

Số: 2196 /QĐ-ĐHQB

Quảng Trị, ngày 29 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về dạy, học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục thể chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

Căn cứ Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Nghị Quyết số 925/NQ-HĐT ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Quảng Bình về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chương trình môn học giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên và Trường Khoa Giáo dục Thể chất - Quốc phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về dạy, học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2007/QĐ-ĐHQB ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình ban hành Quy định về dạy, học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Quảng Bình.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên, Trường các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, ĐT&QLSV.



PGS. TS Nguyễn Đức Vượng

QUY ĐỊNH

Về dạy, học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục thể chất
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2196/QĐ-ĐHQB ngày 29 tháng 9 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất (GDTC); khối lượng học tập tích lũy; các điều kiện đảm bảo chất lượng; khen thưởng và xử lý vi phạm liên quan đến hoạt động dạy và học môn GDTC tại Trường Đại học Quảng Bình.
2. Quy định này áp dụng cho sinh viên Trường Đại học Quảng Bình (không áp dụng đối với sinh viên chuyên ngành GDTC).

Chương II

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Điều 2. Mục tiêu chương trình môn học GDTC

1. Về kiến thức: Có hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của thể dục thể thao (TDTT) đối với con người; nhận thức về vị trí, vai trò của GDTC và các hoạt động TDTT trong hoạt động giáo dục đại học;
2. Về kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật cơ bản một số môn TDTT trong chương trình, biết một số phương pháp tự tập luyện để rèn luyện thể chất, bảo vệ sức khỏe; tập luyện các kỹ thuật với yêu cầu về độ khó được nâng lên; bồi dưỡng phương pháp tập luyện, cách thức thi đấu; làm trọng tài các môn thể thao trong quá trình tập luyện, có khả năng vận dụng trong cuộc sống và sử dụng các môn thể thao để làm phương tiện GDTC.
3. Về thái độ hành vi: Tích cực, tự giác học tập; xây dựng thói quen vận động, tập luyện TDTT; rèn luyện thể chất thường xuyên; kính trọng, yêu quý giảng viên giảng dạy môn học, luyện tập ngoại khoá ngoài giờ lên lớp để thực hiện tốt các nội dung được xây dựng trong chương trình.

Điều 3. Chuẩn đầu ra chương trình môn học GDTC

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
1. Về kiến thức	
PLO1	Hiểu cơ bản những kiến thức trong chương trình GDTC và thể thao trường học

PLO2	Hiểu được mục tiêu môn học GDTC và các nội dung kiến thức trong chương trình giáo dục
PLO3	Áp dụng được các kiến thức môn học GDTC đã học vào thực tiễn để rèn luyện nâng cao sức khỏe, đáp ứng nhu cầu công việc
2. Về kỹ năng	
PLO4	Có kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho bản thân, vận dụng các nội dung học tập vào trong thực tiễn cuộc sống.
PLO5	Sử dụng các bài tập thể chất để phát triển các năng lực tố chất vận động, thích ứng với các điều kiện sống, sống vui vẻ, hoà đồng với mọi người.
PLO6	Hình thành thói quen tập luyện, khả năng lựa chọn môn thể thao phù hợp để luyện tập, từ đó có ý thức trách nhiệm đối với sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng
PLO7	Có kỹ năng tổ chức các hoạt động ngoại khóa một số môn thể thao sở trường và các hoạt động tập thể
3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO8	Có phẩm chất đạo đức, tính kỷ luật, tự rèn luyện nâng những phẩm chất, năng lực để trở thành người công dân phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.
PLO9	Yêu nghề, sẵn sàng khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ; có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp và hội nhập quốc tế, góp phần phát triển tầm vóc, thể lực người Việt Nam.

Điều 4. Khối lượng học tập tích lũy chương trình môn học GDTC

Khối lượng kiến thức của chương trình môn học GDTC mà người học cần tích lũy là 4 tín chỉ đối với trình độ đại học và 1 tín chỉ đối với trình độ đại học liên thông từ trình độ trung cấp.

Điều 5. Nội dung chương trình GDTC

1. Chương trình đối với trình độ đại học

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	LT	TH	Học phần học trước	Mã học phần học trước	Bắt buộc/ Tự chọn
I	CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC (2 Tín chỉ)							
1	GDTC 1 (Bóng chuyền 1)	TQGDTC.001	1	04	26			Bắt buộc
2	GDTC 2 (Bóng chuyền 2)	TQGDTC.002	1	04	26		TQGDTC.001	Bắt buộc

II CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN (Chọn tối thiểu 2/10 tín chỉ)								
1	GDTC 3 (Bóng đá 1)	TQGDTC.003	1	04	26			Tự chọn
2	GDTC 4 (Bóng đá 2)	TQGDTC.004	1	04	26	Bóng đá 1	TQGDTC.003	Tự chọn
3	GDTC 3 (Bóng rổ 1)	TQGDTC.003	1	04	26			Tự chọn
4	GDTC 4 (Bóng rổ 2)	TQGDTC.004	1	04	26	Bóng rổ 1	TQGDTC.003	Tự chọn
5	GDTC 3 (Cầu lông 1)	TQGDTC.003	1	04	26			Tự chọn
6	GDTC 4 (Cầu lông 2)	TQGDTC.004	1	04	26	Cầu lông 1	TQGDTC.003	Tự chọn
7	GDTC 3 (Bơi lội 1)	TQGDTC.003	1	04	26			Tự chọn
8	GDTC 4 (Bơi lội 2)	TQGDTC.004	1	04	26	Bơi lội 1	TQGDTC.003	Tự chọn
9	GDTC 3 (Bóng bàn 1)	TQGDTC.003	1	04	26			Tự chọn
10	GDTC 4 (Bóng bàn 2)	TQGDTC.004	1	04	26	Bóng bàn 1	TQGDTC.003	Tự chọn
11	GDTC 3 (Pickleball 1)	TQGDTC.003	1	04	26			Tự chọn
12	GDTC 4 (Pickleball 2)	TQGDTC.004	1	04	26	Pickleball 1	TQGDTC.003	Tự chọn

2. Chương trình đối với trình độ đại học (liên thông từ trình độ trung cấp)

Sinh viên học nội dung GDTC 1 (Bóng chuyên 1) được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Yêu cầu nội dung của các học phần

1. Mỗi học phần phải có đề cương chi tiết học phần thể hiện rõ: thông tin chung về học phần, điều kiện tiên quyết (nếu có), mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra học phần, mô tả vắn tắt nội dung học phần, nội dung chi tiết học phần, hình thức giảng dạy và phân bổ thời gian, phương pháp giảng dạy, nhiệm vụ của sinh viên, tài liệu phục vụ cho học phần, thang điểm đánh giá, phương pháp và hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần.

2. Phân lý thuyết trong mỗi học phần

- Yêu cầu: sinh viên nắm được nội dung cơ bản của môn lý luận và phương pháp TDTT; Y - sinh học TDTT; lý thuyết môn chuyên ngành trong các học phần của chương trình; hiểu biết Luật và biết cách tổ chức, trọng tài thi đấu một số môn TDTT trong trường đại học và áp dụng được sau khi tốt nghiệp.

- Mô tả các học phần: Lịch sử phát sinh phát triển của các môn TDTT; mục đích và nhiệm vụ của giáo dục thể chất; cơ sở khoa học sinh học của môn Giáo dục thể chất; các kiến thức cơ bản về công tác kiểm tra và tự kiểm tra y học TDTT, cách phòng ngừa chấn thương bằng phương tiện thể dục thể thao; luật, trọng tài và tổ chức thi đấu các môn TDTT.

3. Phân thực hành trong mỗi học phần

a) Học phần bắt buộc

- Yêu cầu: Nắm được nội dung cơ bản học phần GDTC bắt buộc của chương trình; biết luật, trọng tài và tổ chức thi đấu một số môn TDTT; biết phương pháp tự tập luyện và rèn luyện thể chất, sức khỏe.

- Mô tả các học phần: Kiến thức, kỹ năng thực hành các môn bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, cầu lông, bóng bàn, bơi lội, pickleball phù hợp với đặc điểm và tính chất ngành nghề đào tạo; luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp tự tập luyện và rèn luyện thể chất, sức khỏe.

b) Học phần tự chọn

- Yêu cầu: Nắm được nội dung cơ bản học phần GDTC tự chọn của chương trình; biết Luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu một số môn TDTT; biết phương pháp tự tập luyện kỹ thuật, chiến thuật nhằm nâng cao thành tích thể thao môn tự chọn.

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên chỉ được đăng ký học phần tự chọn 2 khi học xong học phần tự chọn 1 (mã TQGDTC.003) của cùng một nội dung.

- Điều kiện nội dung học trước: Sinh viên chỉ được phép đăng ký học phần tự chọn 2 khi học xong học phần tự chọn 1 (có thể kết quả học phần chưa đạt) vào học kỳ tiếp sau.

- Mô tả các học phần: Kiến thức, kỹ năng thực hành các môn bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, bóng bàn, bơi lội, pickleball phù hợp với sở thích và nguyện vọng cá nhân; luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp tự tập luyện nâng cao thành tích thể thao môn tự chọn.

Điều 7. Tổ chức xây dựng chương trình

1. Khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng phối hợp với Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên tham mưu cho Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình quyết định số lượng thành viên tham gia và ra quyết định thành lập tổ soạn thảo chương trình môn học Giáo dục thể chất (sau đây gọi là Tổ soạn thảo). Thành phần Tổ soạn thảo là những người am hiểu về giáo dục thể chất và có năng lực xây dựng và phát triển chương

trình, gồm: một số giảng viên chuyên ngành Giáo dục thể chất; đại diện khoa hoặc bộ môn Giáo dục thể chất; đại diện Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên, một số nhà khoa học, chuyên gia giáo dục về thể dục, thể thao ở trong và ngoài cơ sở đào tạo.

2. Tổ soạn thảo có nhiệm vụ:

a) Căn cứ vào các quy định về giáo dục thể chất hiện hành, xây dựng mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể từng học phần; xác định cấu trúc, xây dựng các học phần thuộc chương trình môn học Giáo dục thể chất, bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn; phương thức đánh giá;

b) Thiết kế đề cương chi tiết các học phần; xác định yêu cầu về lý thuyết và thực hành của từng học phần; xác định điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn cho người học, người dạy khi thực hiện các học phần;

c) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến về chương trình môn học Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thiện dự thảo chương trình môn học Giáo dục thể chất trên cơ sở tiếp thu các ý kiến phản hồi và trình hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo xem xét, tiến hành các thủ tục thẩm định.

Điều 8. Thẩm định và ban hành chương trình môn học GDTC

1. Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng phối hợp với Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên tham mưu cho Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình môn học Giáo dục thể chất và các điều kiện đảm bảo triển khai dạy học (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định). Hội đồng thẩm định gồm ít nhất 05 thành viên, trong đó có 03 (ba) thành viên có trình độ từ Thạc sĩ trở lên, có chuyên ngành về Giáo dục thể chất hoặc Huấn luyện thể thao; các thành viên Tổ soạn thảo không tham gia Hội đồng thẩm định.

2. Hội đồng thẩm định, gồm: Chủ tịch, ủy viên thư ký và các ủy viên phản biện, trong đó có ít nhất 02 (hai) người ngoài cơ sở đào tạo.

3. Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định chương trình môn học GDTC và các điều kiện đảm bảo chất lượng để triển khai dạy học; kết luận thông qua hay không thông qua chương trình môn học GDTC.

4. Hiệu trưởng ban hành chương trình môn học GDTC trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định và đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo.

Chương III

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 9. Các trường hợp miễn học, miễn kiểm tra và thi

1. Miễn học môn học GDTC

a) Đối tượng:

Sinh viên đào tạo trình độ đại học đã có chứng chỉ GDTC hoặc tích lũy đủ 04 tín chỉ theo quy định được miễn học môn học GDTC;

b) Thủ tục xét miễn học

Sinh viên nộp đơn xin miễn học (có xác nhận của Khoa GDTC-QP) và bản photo Chứng chỉ GDTC hoặc Bảng điểm (có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền) cho Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên để xem xét, tham mưu cho Hiệu trưởng ra quyết định miễn học môn học GDTC đối với sinh viên.

2. Miễn học học phần GDTC

Đối với các sinh viên là thành viên các đội tuyển TDTT của Nhà trường (có quyết định của Hiệu trưởng tham gia tập luyện và thi đấu các giải thể thao từ cấp tỉnh và tương đương trở lên):

a) Nếu chưa đạt giải thì được miễn tham gia học tập và được công nhận quy đổi điểm tương đương là 9 (chín) điểm đối với các học phần trong năm học đó;

b) Nếu đạt giải Nhất, Nhì, Ba thì được miễn tham gia học tập và được công nhận quy đổi điểm tương đương là 10 (mười) điểm đối với các học phần trong năm học đó.

Điều 10. Nội dung chương trình môn học GDTC dành cho nhóm sinh viên sức khỏe yếu

1. Nguyên tắc chung

Những sinh viên thuộc nhóm sức khỏe yếu vẫn phải học đủ khối lượng học tập GDTC quy định tại Điều 4 Quy định này nhưng sẽ học các nội dung của môn học phù hợp với sức khỏe và thể chất của sinh viên (học phần bắt buộc và học phần tự chọn quy định tại Điều 6 Quy định này).

Nội dung học tập và kiểm tra đánh giá từng học phần sẽ do Trưởng Bộ môn GDTC quyết định để phù hợp với thể trạng và khả năng vận động của từng sinh viên (nội dung kiểm tra thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đã kiểm nghiệm).

2. Đối tượng được xếp loại là sinh viên sức khỏe yếu

a) Sinh viên bị khuyết tật, dị tật bẩm sinh, bị các bệnh tim mạch, hô hấp... không có khả năng vận động với khối lượng và cường độ vận động lớn do Khoa GDTC-QP phối hợp với Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên kiểm tra thể lực đầu khóa học theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.

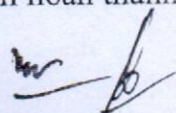
b) Sinh viên bị tai nạn, chấn thương và ốm đau bất thường.

3. Thủ tục xét đối tượng sinh viên xếp loại sức khỏe yếu.

Sinh viên nộp đơn và các minh chứng kèm theo (Giấy chứng nhận về khuyết tật, dị tật bẩm sinh vào đầu kỳ học, hồ sơ bệnh án của cơ sở y tế có thẩm quyền cho Khoa Giáo dục thể chất Quốc phòng để xem xét và quyết định hình thức học tập và đánh giá học phần cho phù hợp.

Điều 11. Điều kiện xét công nhận hoàn thành chương trình môn học GDTC

1. Sinh viên được Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình xác nhận hoàn thành chương trình môn học GDTC khi đạt đủ các điều kiện sau:



- a) Đã hoàn thành chương trình GDTC được quy định tại Điều 5 của Quy định này;
- b) Điểm trung bình chung tích lũy học phần đạt từ 5 điểm trở lên;
- c) Không có học phần nào dưới 5 điểm.

Sinh viên chưa đủ điều kiện hoàn thành chương trình môn học GDTC phải đăng ký học lại học phần được quy định tại Điều 5 của Quy định này.

2. Xếp loại hoàn thành chương trình môn học GDTC

Căn cứ điểm trung bình chung kết quả đánh giá các học phần đã tích lũy, kết quả xếp loại hoàn thành chương trình môn học GDTC của sinh viên như sau:

- a) Loại Xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 9 đến 10;
- b) Loại Giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 8 đến cận 9;
- c) Loại Khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 7 đến cận 8;
- d) Loại Trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 5 đến cận 7;

3. Quy trình xét hoàn thành chương trình môn học GDTC

Sau khi hoàn thành chương trình GDTC, Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên tổng hợp, lập danh sách sinh viên đủ điều kiện để trình Hội đồng xét hoàn thành chương trình môn học GDTC. Thành phần Hội đồng bao gồm:

- a) Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo;
- b) Trưởng phòng/Phó Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên, Phòng Thanh Tra - Đảm bảo chất lượng GD;
- c) Trưởng khoa/Phó Trưởng khoa GDTC-QP;
- d) Trưởng khoa/Phó Trưởng khoa có sinh viên trong đợt xét cấp chứng chỉ;
- đ) Trưởng/Phó Trưởng bộ môn GDTC;
- e) Chuyên viên Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên phụ trách quản lý điểm GDTC.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

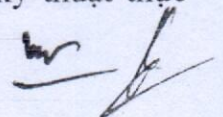
Điều 12. Giảng viên

1. Tiêu chuẩn giảng viên GDTC

Ngoài các tiêu chuẩn chung của giảng viên theo quy định hiện hành, giảng viên GDTC phải đạt tiêu chuẩn sau: có bằng thạc sỹ chuyên ngành GDTC hoặc chuyên ngành Huấn luyện thể thao trở lên, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo quy định hiện hành;

2. Nhiệm vụ của giảng viên

- a) Thực hiện chế độ làm việc của giảng viên theo quy định hiện hành của Nhà trường;
- b) Giảng dạy theo chương trình môn học GDTC đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Khi giảng dạy giờ thực hành kỹ thuật, giảng viên giảng dạy đúng chuyên ngành được đào tạo; trước khi lên lớp dạy học phải chuẩn bị bài giảng, ôn luyện kỹ thuật thực



hành; dạy các học phần kỹ thuật thực hành phải chuẩn bị sẵn bãi dụng cụ trên lớp, phải đi giày thể thao và mặc trang phục TDTT theo quy định.

- c) Đánh giá kết quả học tập môn học GDTC theo khoản 2 Điều 11 Quy định này;
- d) Tổ chức hướng dẫn sinh viên tập luyện ngoại khóa; kiểm tra tiêu chuẩn thể lực sinh viên theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên;
- đ) Huấn luyện đội tuyển các môn TDTT và tham gia tổ chức các cuộc thi đấu thể thao trong và ngoài Trường;
- e) Tham mưu cho Lãnh đạo Nhà trường đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động thể thao; làm nòng cốt tổ chức các hoạt động thể thao; quản lý, chỉ đạo và hướng dẫn việc thành lập các câu lạc bộ thể thao, duy trì phát triển phong trào thể thao trong Nhà trường.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Bộ môn, Khoa và Nhà trường.

3. Quyền của giảng viên

- a) Được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, trình độ về chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp, hình thức và kỹ năng tổ chức hoạt động thể thao trong Nhà trường.
- b) Được giảng dạy theo ngành, chuyên ngành được đào tạo; được tham gia công tác huấn luyện cho học sinh, sinh viên đội tuyển của Nhà trường.
- c) Được hưởng các chế độ đãi ngộ dành cho giảng viên nói chung và giảng viên Giáo dục thể chất nói riêng theo các quy định của pháp luật hiện hành và Nhà trường;
- d) Được hợp đồng thỉnh giảng, huấn luyện, trọng tài, nghiên cứu khoa học với điều kiện thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được Nhà trường giao.
- đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Nhà trường.

Điều 13. Sinh viên

1. Nhiệm vụ của sinh viên

- a) Hoàn thành nhiệm vụ học tập chương trình môn học GDTC trong thời gian quy định;
- b) Khi lên lớp học giờ thực hành kỹ thuật sinh viên phải mặc đồng phục TDTT đúng quy định của Nhà trường, đi giày thể thao phù hợp, an toàn;
- c) Tham gia tập luyện ngoại khóa và rèn luyện thể chất, sức khỏe; tham gia các hoạt động tập luyện và thi đấu thể thao theo kế hoạch của Nhà trường, ngành và địa phương; tham gia câu lạc bộ các môn thể thao theo sở thích, phù hợp với đặc điểm từng lứa tuổi. Người học tham gia các hoạt động thi đấu thể thao do các tổ chức khác đề nghị phải được Nhà trường cho phép.
- d) Thực hiện các nhiệm vụ khác của sinh viên theo quy định của Nhà trường.

2. Quyền của sinh viên

- a) Được sử dụng tài liệu chuyên môn, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ TDTT của Nhà trường để học tập và rèn luyện thể chất, sức khỏe;

- b) Được cung cấp thông tin về kết quả học tập môn học GDTC;
- c) Được chọn tham gia tập luyện, thi đấu tại các giải hoặc các kỳ Đại hội TDTT sinh viên cấp cơ sở, toàn quốc và quốc tế nếu có thành tích học tập môn GDTC xuất sắc;
- d) Được tham gia hoạt động các câu lạc bộ TDTT của các đoàn thể, tổ chức xã hội nơi mình học tập;
- đ) Được quyền miễn học phần, miễn thời gian tham gia học tập theo Điều 9 của Quy định này; sinh viên được Nhà trường cử tham gia các các cuộc thi thể thao phải nghỉ học quá thời gian theo quy định, Nhà trường có trách nhiệm tổ chức dạy học bổ sung kiến thức, bảo đảm đủ điều kiện để tham dự các kỳ thi, các tín chỉ theo quy định.
- e) Các quyền khác của sinh viên theo quy định của Nhà trường.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 14. Khen thưởng

1. Sinh viên đạt thành tích cao trong học tập và thi đấu ở các giải quốc tế, quốc gia, được xét khen thưởng và được hưởng chế độ ưu tiên theo các quy định hiện hành.
2. Tập thể, cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho các hoạt động TDTT và GDTC được khen thưởng theo quy định về thi đua khen thưởng của Nhà trường; chế độ khen thưởng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

Điều 15. Xử lý vi phạm

Tập thể, cá nhân vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật và Nhà trường.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Trường các đơn vị có trách nhiệm phổ biến Quy định này đến toàn thể giảng viên, viên chức và sinh viên để thống nhất thực hiện trong toàn Trường.
2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong văn bản này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề nảy sinh hoặc vướng mắc, không còn phù hợp đề nghị các đơn vị, cá nhân phản ánh về Nhà trường (qua Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên) để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

